



yòu fāng

右方

noun · right side

Example Sentences

tú shū guǎn zài xué xiào de yòu fāng

图书馆在学校的右方。

The library is on the right side of the school.

Qǐng bǎ yǐ zi yí dào yòu fāng

请把椅子移到右方。

Please move the chair to the right side.

Trace each character, then write the word on your own.

右	右	右	右	右	右	右	右				
方	方	方	方	方	方	方					